

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương

Bà Bùi Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-8-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22-8-2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà NTNL; ĐKNKTT: Số 42/228 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; địa chỉ chỗ ở hiện nay: Số 115 đường D, phường E, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông TDH; ĐKNKTT: Số 42/228 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; địa chỉ chỗ ở hiện nay: Số 115 đường D, phường E, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20-5-2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà NTNL trình bày:

Bà NTNL và ông TDH xây dựng gia đình do tự nguyện từ năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, quận G, thành phố Hải Phòng vào

năm 2002. Quá trình chung sống giữa vợ chồng, có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa hai bên có bất đồng về quan điểm sống, về tính cách và đã nhiều lần xảy ra xô xát, xúc phạm nhau nên đã sống ly thân và không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau. Nay, bà NTNL cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông TDH theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con là H, sinh năm 1991 và I, sinh năm 1996 đều đã thành niên (trên 18 tuổi).

Về tài sản chung: Bà NTNL đề nghị hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông TDH vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn cũng như đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa án để làm việc, nhưng ông TDH đều vắng mặt không có lý do và không giao nộp văn bản trình bày quan điểm, ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà NTNL ly hôn ông TDH. Về con chung: Bà NTNL và ông TDH có 02 con là H và I đều đã thành niên nên không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Bà NTNL không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Bà NTNL phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông TDH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà NTNL và ông TDH kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, quận G, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111, Quyền số 01/2002 ngày 15-11-2002 nên quan hệ hôn nhân giữa bà NTNL và ông TDH là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà NTNL cho rằng, quá trình chung sống giữa Bà và ông TDH có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về cách sống và đã nhiều lần xảy ra xô xát, xúc phạm nhau nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; và đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Nay bà NTNL yêu cầu giải quyết ly hôn, ông TDH vắng mặt tại phiên tòa và không có quan điểm, ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua đó, đánh giá rằng, ông TDH không thiện chí và không có biện pháp gì cụ thể để khắc phục mâu thuẫn giữa vợ và chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà NTNL và ông TDH đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà NTNL yêu cầu ly hôn với ông TDH là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà NTNL và ông TDH có 02 con là H, sinh năm 1991 và I, sinh năm 1996 đều đã thành niên (trên 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Bà NTNL không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà NTNL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà NTNL ly hôn ông TDH.

2. Về án phí: Bà NTNL phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009947 ngày 10-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà NTNL đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường F, quận G
(GCN kết hôn số 111 quyển số 01/2002);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Hữu Hùng